

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022

V/v “ Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Hoàng Bá.

2/ Bà Ngô Thị Phương Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hồng D, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Bị đơn: Nguyễn Thanh M, sinh năm 1986 (*Có mặt*).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: cháu Nguyễn Thanh Yên T, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Thanh Yên H, sinh ngày 09/6/2012 (*Vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu T có ông M là ba ruột; Giám hộ cho cháu H có bà D là mẹ ruột*)

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà D trình bày như sau:

Hôn nhân của bà và ông Nguyễn Thanh M là do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 18/10/2009, có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2009 tại UBND xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Theo bà D cuộc sống hôn nhân của bà và ông M lúc đầu hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, tính tình không phù hợp, ông M đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền cho bà D lo cho các con, ông M còn cờ bạc và hay đi ăn tiệc với bạn bè. Vì vậy cuộc sống hôn nhân của bà và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn không hạnh phúc. Bà đã sống ly thân với ông M từ cuối năm 2015 cho đến nay, trong thời gian ly thân bà và ông M không chủ động hàn gắn tình cảm. Bà D không còn tình cảm với ông M nên bà xin ly hôn với ông M.

Về con: Quá trình chung sống bà và ông M có 02 con chung là Nguyễn Thanh Yến T, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Thanh Yến H, sinh ngày 09/6/2012. Từ khi ly thân đến nay 02 cháu T và H sống với bà ngoại, bà D đi làm ở Bình Dương gửi tiền về chăm lo cho cháu T và cháu H ăn học. Khi ly hôn, bà xin được tiếp tục nuôi cháu T và cháu H, bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh M trình bày như sau:

Hôn nhân của ông và bà D là do quen biết, có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, có tổ chức lễ cưới vào ngày 18/10/2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2009 tại UBND xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Theo ông M sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà D có tình cảm với người khác và bỏ đi từ khoảng cuối năm 2016. Sau đó, đến năm 2017 bà D có về và vợ, chồng chung sống trở lại đến năm 2018 tiếp tục bỏ đi và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông và bà D không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay ông còn thương bà D nên ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con: Trong quá trình chung sống ông và bà D có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh Yến T, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Thanh Yến H, sinh ngày 09/6/2012. Hiện cháu T đang sống với ông còn cháu H đang sống bên nhà ngoại. Khi ly hôn ông M xin được nuôi cháu T, còn cháu H ông đồng ý để bà D tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông M trình bày như sau:

Về thời gian tìm hiểu, thời gian cưới, thời gian mâu thuẫn và ly thân thống nhất lời như bà D trình bày là đúng. Ông không đồng ý ly hôn với bà D vì là người trong đạo nên không thể ly hôn.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu T và cháu H trình bày:

Các cháu là con chung của ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Hồng D. Cháu T đang học lớp 6, Trường THCS phổ thông Thạnh Thắng. Cháu H đang học 4 tại Trường tiểu học Thạnh Thắng 1. Ông M và bà D ly hôn các cháu không ý kiến. Nếu bà D và ông M ly hôn, nguyện vọng của cháu H là được tiếp tục sống với bà D, còn nguyện vọng của cháu T là được sống với ông M. Ngoài ra, cháu T và cháu H không yêu cầu gì đối với ông M, bà D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông M. Về con, giao Nguyễn Thanh Yến T, sinh ngày 02/8/2010 cho ông Nguyễn Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thanh Yến H, sinh ngày 09/6/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các đủ 18 tuổi. Ông M, bà D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng dân sự: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn bà D và người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thanh Yến T và Nguyễn Thanh Yến H, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có sở sở tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: bà D và ông M đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, ông M hay đi ăn tiệc với bạn bè không chăm lo cho vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Còn ông M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, ông nghi ngờ sự

chung thủy của bà D, ông cũng có đi ăn tiệc với bạn bè nên vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và người trong đạo. Nhưng trong thời gian ly thân bà D và ông M không hàn gắn được tình cảm. Điều đó chứng tỏ, tình cảm của bà D, ông M dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua những thử thách đời thường. Nếu duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông M là phù hợp.

[3] Về con: Nguyên, bị đơn thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thanh Yên T, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Thanh Yên H, sinh ngày 09/6/2012. Khi ly hôn bà D đề nghị nuôi cháu T và cháu H. Còn ông M đồng ý giao cháu H cho bà D nuôi và đề nghị được nuôi cháu T. Đề nghị của ông M phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông M nuôi dưỡng, giao cháu H cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp, các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Về con chung: Giao Nguyễn Thanh Yên T, sinh ngày 02/8/2010 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thanh Yên H, sinh ngày 09/6/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông M, bà D thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Hồng D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số **AA/2019/016893 ngày 12/7/2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, bà D không phải nộp thêm án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Hà Thía